

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 150/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 20/3/2020

Về việc: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Phương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Kim Hồng;
2. Ông Ngô Hữu Quang.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thơm - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2020 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 845/2019/TLST-HNGĐ ngày 12/12/2019 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Thái Sơn T, sinh năm 1983; Địa chỉ: Thôn A, xã P, huyện Đ, tỉnh Q. (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Bà Võ Thị Thanh L, sinh năm 1985; Địa chỉ thường trú: Thôn A, xã P, huyện Đ, tỉnh Q. Tạm trú: Số 11/6 đường M, khu phố 3, phường B, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, các bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn ông Thái Sơn T trình bày và xác định yêu cầu khởi kiện như sau:

Ông và bà Võ Thị Thanh L qua thời gian tìm hiểu thì cả hai tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ, tỉnh Q theo Giấy chứng nhận kết hôn số 77, Quyển số 01/2010 ngày 10/9/2010.

Vợ chồng sống hạnh phúc được 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do tính cách và lối sống không phù hợp. Cả hai đã cố gắng khắc phục nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2015 cho đến nay.

Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được ông T yêu cầu Tòa án Quận 7 giải quyết những vấn đề sau:

Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với bà Võ Thị Thanh L.

Về con chung: Vợ chồng có 02 (hai) con chung họ tên: Thái Nhật D, sinh ngày 16/10/2012 và Thái Thị Thanh Tr, sinh ngày 05/12/2014. Sau khi ly hôn, ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ Tr và bà L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ D, không bên nào cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có nợ chung.

Việc ly hôn của vợ chồng không nhằm trốn tránh nghĩa vụ nào khác.

Nguyên đơn ông Thái Sơn T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt và giữ nguyên ý kiến, yêu cầu khởi kiện.

Tại bản tự khai ngày 27/02/2020 bà Võ Thị Thanh L trình bày :

Bà và ông Thái Sơn T qua thời gian tìm hiểu thì tiến tới hôn nhân vào năm 2010. Có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 77 quyển số 01/2010 do Ủy ban nhân xã P, huyện Đ, tỉnh Q cấp ngày 10/9/2010. Vợ chồng sống hạnh phúc được 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không còn hợp nhau, hay xa ra cãi vã. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay, xác định tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vợ chồng đã cùng nhau khắc phục nhưng không được. Nay ông T khởi kiện yêu cầu được ly hôn, bà L đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung họ tên Thái Nhật D (nam), sinh ngày 16/10/2012 và Thái Thị Thanh Tr (nữ), sinh ngày 05/12/2014. Bà L có yêu cầu, bà là người trực tiếp nuôi dưỡng trẻ D và ông T là người trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Tr. Không bên nào cấp dưỡng bên nào.

Về tài sản chung: không có

Về nợ chung: không có

Việc ly hôn của vợ chồng không nhằm trốn tránh nghĩa vụ nào khác.

Bị đơn bà Võ Thị Thanh L có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 phát biểu ý kiến***

I. VIỆC TUÂN THEO PHÁP LUẬT TỔ TỤNG

1. Việc tuân theo pháp luật tổ tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

**** Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:***

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định về thẩm quyền thụ lý quy định tại các điều từ Điều 26 đến Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Việc xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định tại các điều từ 93 đến 97 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho đương sự đúng quy định tại Điều 195, 196 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vụ án được giải quyết đúng thời hạn quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

**** Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:***

Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Người tham gia tố tụng nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng; bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

II. Ý KIẾN VỀ VIỆC GIẢI QUYẾT VỤ ÁN:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Sau khi xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nhận thấy:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

* Về án phí hôn nhân gia đình: Ông T là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

1.1 Về quan hệ tranh chấp: Qua xem xét nội dung vụ án thì đây là tranh chấp về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

1.2 Về thẩm quyền giải quyết: Theo kết quả xác minh của Công an phường B, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh thì bà Võ Thị Thanh Trúc hiện đang tạm trú tại địa chỉ số 11/6 đường M, khu phố 3, phường B, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Do bà L hiện đang cư trú tại Quận 7, căn cứ theo điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.3 Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt do đó Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

2. Về các yêu cầu của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Thái Sơn T và bà Võ Thị Thanh L qua thời gian tìm hiểu thì cả hai tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới và đăng

ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ, tỉnh Q theo Giấy chứng nhận kết hôn số 77, Quyển số 01/2010 ngày 10/9/2010, xét đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Nguyên đơn và bị đơn đều xác định quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Ông T khởi kiện ly hôn, bà L đồng ý ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân phải là sự tự nguyện từ hai phía, cả hai cùng nhau xây dựng một gia đình hạnh phúc. Hôn nhân phải có sự yêu thương chăm sóc và tôn trọng lẫn nhau, phải xuất phát từ tình cảm vợ chồng.

Hội đồng xét xử nhận thấy tình trạng hôn nhân của các đương sự ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc ly hôn theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Về con chung: Căn cứ vào Giấy khai sinh số 172, quyển số 01/2012 đăng ký ngày 07/11/2012 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ, tỉnh Q và Giấy khai sinh số 205 quyển số 01/2014 đăng ký ngày 24/12/2014 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ, tỉnh Q và lời khai của đương sự đã có đủ cơ sở để kết luận: Ông T và bà L có 02 người con chung là Thái Nhật D (nam), sinh ngày 16/10/2012 và Thái Thị Thanh Tr (nữ), sinh ngày 05/12/2014.

Hội đồng xét xử xét thấy hiện nay trẻ D đang sống chung với bà L và trẻ Tr đang sống với ông T. Trẻ D có nguyện vọng được sống chung với mẹ. Hội đồng xét xử xét thấy việc giao cho ông T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ Tr và bà L tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ D là phù hợp với nguyện vọng của cả hai bên và của trẻ do đó Hội đồng xét xử ghi nhận và giao trẻ D cho bà L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giao trẻ Tr cho ông T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự thống nhất không bên nào cấp dưỡng bên nào nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Ông T có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung là trẻ D và bà L có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung là trẻ Tr, vì quyền lợi của con, khi có yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự xác định không có nên không xét.

3. Về nghĩa vụ nộp án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn nên phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Áp dụng Luật Phí, lệ phí năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Xử:

- Về hình thức: Xử vắng mặt nguyên đơn ông Thái Sơn T và bị đơn bà Võ Thị Thanh L.

- Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Thái Sơn T và bà Võ Thị Thanh L ly hôn.

2. Về con chung: có 02 (hai) con chung là Thái Nhật D (nam), sinh ngày 16/10/2012 và trẻ Thái Thị Thanh Tr (nữ), sinh ngày 05/12/2014. Giao trẻ D cho bà L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giao trẻ Tr cho ông T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông T không cấp dưỡng nuôi trẻ D và bà L không cấp dưỡng nuôi trẻ Tr.

Ông T có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung là trẻ D và bà L có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung là trẻ Tr, vì quyền lợi của con, khi có yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Không có

5. Án phí dân sự sơ thẩm ông Thái Sơn T phải chịu là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu số AA/2018/0031957 ngày 12/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Hồ Chí Minh
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 7;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7;
- Ủy ban nhân dân xã Phổ Thuận, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Diễm Phương